

BÁO CÁO

sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Căn cứ văn bản số 3658-CV/BKTTW, ngày 17/7/2023 của Ban Kinh tế Trung ương về việc sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 36-NQ/TW); Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nam Định báo cáo kết quả triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Nam Định là tỉnh nằm ở phía Nam vùng đồng bằng sông Hồng, phía Tây Bắc giáp tỉnh Hà Nam, phía Đông Bắc giáp tỉnh Thái Bình, phía Tây Nam giáp tỉnh Ninh Bình, phía Đông Nam giáp với biển Đông. Nam Định có bờ biển dài 72 km; có 4 con sông chính là sông Hồng, sông Đáy, sông Ninh Cơ, sông Sò và đổ ra biển theo 4 cửa sông: cửa Ba Lạt, cửa Đáy, cửa Ninh Cơ, cửa Hà Lạn. Địa hình khu vực ven biển và tuyến mặt nước tương đối bằng phẳng, độ cao trung bình khoảng 1m. Ngoài biển phía Đông Bắc có các cồn cát như: Cồn Ngạn, Cồn Lu, Cồn Mờ dài trên 20 km; đoạn cửa sông Ninh Cơ có Cồn Xanh rộng 7 - 8 km, dài 8 - 9 km, cao từ 0,7 - 1 m; hiện nay, do tác động của biến đổi khí hậu, có trên 40 km bờ biển thường xuyên bị nước biển xâm lấn.

Vùng ven biển tỉnh Nam Định gồm 03 huyện (Nghĩa Hưng, Giao Thủy, Hải Hậu) với 80 xã, thị trấn (trong đó có 19 xã, thị trấn giáp biển); tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 724 km², bằng 43% diện tích toàn tỉnh; dân số hơn 600 nghìn người, chiếm khoảng 34% dân số toàn tỉnh. Đến nay, kinh tế biển, các vùng ven biển đang dần trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; hàng năm đóng góp trên 25% tổng giá trị sản xuất trên địa bàn tỉnh; thu nhập của người dân cao hơn mức bình quân chung của cả tỉnh; các địa phương vùng ven biển luôn đi đầu trong phong trào xây dựng nông thôn mới, đã đóng góp quan trọng vào thành tích xây dựng nông thôn mới của tỉnh trong thời gian qua.

Tuy nhiên, phát triển vùng kinh tế ven biển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của vùng; chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư lớn, dự án lớn; hệ thống kết cấu cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội chưa hoàn thiện, chưa tạo được sự kết nối đồng bộ với các địa phương khác trong tỉnh và với các tỉnh trong khu vực; phát triển kinh tế biển chưa gắn kết hài hoà với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường; công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng chưa đáp ứng được yêu cầu; khoảng cách giàu - nghèo của người dân ven biển có xu hướng ngày càng tăng.

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Việc tuyên truyền, quán triệt, xây dựng và ban hành chương trình hành động, kế hoạch, tổ chức thực hiện Nghị quyết

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 56-KH/TU, ngày 14/11/2018 về tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết số 36-NQ/TW; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 28-CTr/TU, ngày 05/12/2018 thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW. Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt của tỉnh để học tập, quán triệt, triển khai thực hiện. Chỉ đạo các huyện uỷ, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc tỉnh xây dựng kế hoạch học tập, quán triệt và xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết. Chỉ đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn công tác tuyên truyền tới các đơn vị, địa phương và đội ngũ báo cáo viên từ cấp tỉnh đến cơ sở; các tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong tỉnh tổ chức phổ biến tuyên truyền sâu rộng đến các hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Nam Định: xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến; mở chuyên trang, chuyên mục trao đổi, tọa đàm, tuyên truyền việc quán triệt, học tập và thực hiện Nghị quyết tới toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh. Thông qua việc học tập, quán triệt làm cho cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc hơn về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được nêu trong Nghị quyết số 36-NQ/TW, nhất là những điểm mới, giải pháp đột phá về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển; về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; góp phần tạo thống nhất về nhận thức, nâng cao trách nhiệm, tạo sự đồng thuận xã hội, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết; tăng cường đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch, nhận thức lệch lạc.

Quán triệt các quan điểm, mục tiêu, chủ trương lớn, khâu đột phá và các giải pháp chủ yếu theo tinh thần Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 tiếp tục xác định việc tập trung khai thác tiềm năng, thế mạnh vùng kinh tế biển; sớm hình thành đô thị Rạng Đông, Thịnh Long và Khu kinh tế ven biển Nghĩa Hưng thành Trung tâm sản xuất đồng bộ từ sợi, dệt, nhuộm, may mặc và thời trang lớn của miền Bắc; khai thác, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực từ ngân sách nhà nước và nguồn lực xã hội hóa để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ngày một hiện đại, theo hướng ưu tiên cho các dự án, công trình trọng điểm về giao thông, thủy lợi, y tế, văn hóa, giáo dục; các khu, cụm công nghiệp; hạ tầng vùng kinh tế biển. Đây là hai nhiệm vụ trong nhóm các nhiệm vụ trọng tâm, giai đoạn 2020 - 2025 để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp khai thác tiềm năng, thế mạnh vùng kinh tế biển. Từng bước xây dựng không gian kinh tế liên kết khu vực biển huyện Nghĩa Hưng gồm: đô thị Rạng Đông, Thịnh Long - Khu công nghiệp Dệt may Rạng Đông - Khu chức năng phía Nam đô thị Rạng Đông theo hướng phát triển đa ngành, đa lĩnh vực, trong đó chuyên sâu về: Phát triển công nghiệp, thương mại hỗn hợp, các khu vui chơi giải trí, công viên chuyên đề, khách sạn cao cấp, Resort ven biển, sân golf để hướng tới du lịch sinh thái; du lịch nghỉ dưỡng; du lịch thể thao, văn hóa, giải trí gắn với khám phá, trải nghiệm, ẩm thực, tổ chức sự kiện. Tập trung hoàn thiện đề án thành lập Khu kinh tế Ninh Cơ trình phê duyệt theo Quyết định số 1453/QĐ-TTg, ngày 24/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Xây dựng và phát triển các đô thị ven biển (Thịnh Long, Quất Lâm, Rạng Đông), trong đó xây dựng đô thị Thịnh Long - Rạng Đông trở thành thành phố trung tâm phía Tây Nam của tỉnh với chức năng phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch,...

2. Việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng trong Nghị quyết

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 56-KH/TU, ngày 14/11/2018 về tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết số 36-NQ/TW; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động số 28-CTr/TU, ngày 05/12/2018 để thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW; Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã thông qua Nghị quyết số 02-NQ/ĐH, ngày 12/10/2020, trong đó đề ra mục tiêu tăng cường khai thác tiềm năng thế mạnh vùng kinh tế biển để trở thành vùng kinh tế động lực phía Nam của tỉnh; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết chuyên đề số 05-NQ/TU, ngày

18/6/2021 về xây dựng, phát triển vùng kinh tế ven biển tỉnh Nam Định, giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 18/6/2021 về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, xúc tiến và thu hút đầu tư;...

- Đề cụ thể hóa các quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp được nêu trong Nghị quyết số 36-NQ/TW, Chương trình hành động và các Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy; UBND tỉnh đã xây dựng, ban hành các kế hoạch, đề án để triển khai thực hiện, như:

+ Kế hoạch số 56/KH-UBND, ngày 12/4/2019 thực hiện Chương trình hành động số 28-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

+ Kế hoạch số 40/KH-UBND, ngày 12/5/2020 thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW. Căn cứ kế hoạch của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố đã xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện.

+ Kế hoạch số 81/KH-UBND, ngày 16/7/2021 thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 18/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng, phát triển vùng kinh tế ven biển tỉnh Nam Định, giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo.

+ Kế hoạch số 63/KH-UBND, ngày 22/7/2020 triển khai Đề án hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế biển tỉnh Nam Định đến năm 2030.

+ Quyết định số 1113/QĐ-UBND, ngày 12/5/2020 thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quyết định số 738/QĐ-UBND, ngày 06/4/2021 kiện toàn Ban chỉ đạo.

+ Kế hoạch số 87/KH-UBND, ngày 02/8/2021 về phát triển thủy sản, giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Nam Định.

+ Kế hoạch số 136/KH-UBND, ngày 23/11/2021 về phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển tỉnh Nam Định đến năm 2030.

Ngoài ra, căn cứ vào tình hình thực tế để cụ thể hóa quan điểm, chủ trương của Đảng, tỉnh đã lồng ghép một số nhiệm vụ phát triển kinh tế biển vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nói chung, khu vực ven biển của tỉnh nói riêng như: Trong công tác quy hoạch đất đai, đa dạng sinh học, không gian biển, khai thác tài nguyên biển (cát biển), biến đổi khí hậu, các văn bản hướng dẫn các xã, huyện ven biển đạt và duy trì tiêu chí xã, huyện nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu,...

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, KHÂU ĐỘT PHÁ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tổ chức thực hiện các mục tiêu cụ thể đến năm 2030

1.1. Về xã hội

- Chỉ số phát triển con người (HDI)¹ của tỉnh Nam Định năm 2022 là 0,71 thuộc nhóm trung bình của cả nước.

- Thu nhập bình quân đầu người ngày càng được cải thiện, năm 2019 là 44,2 triệu đồng/năm; năm 2020 là 49,2 triệu đồng/năm; năm 2021 là 55,4 triệu đồng/năm. Tổng sản phẩm GRDP (giá hiện hành) bình quân đầu người năm 2019 là 39,4 triệu đồng/năm; năm 2020 là 45,0 triệu đồng/năm; năm 2021 là 45,8 triệu đồng/năm; năm 2022 là 49 triệu đồng/năm.

1.2. Về khoa học, công nghệ

Tỉnh đã chỉ đạo đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ biển, môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng; tổ chức tiếp cận, tận dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến về biển thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tập trung vào một số lĩnh vực cụ thể như:

- Nghiên cứu ứng phó biến đổi khí hậu và bảo vệ bờ biển: Nghiên cứu, đề xuất giải pháp công nghệ phù hợp, hiệu quả để tiêu giảm sóng nhằm nâng cao độ an toàn cho đê biển Nam Định; nghiên cứu, đánh giá và đề xuất một số giải pháp giảm thiểu xói lở vùng bờ biển tỉnh Nam Định; nghiên cứu đề ra các giải pháp để nâng cao chất lượng công tác quản lý đê điều đáp ứng yêu cầu ứng phó biến đổi khí hậu đến năm 2030; nghiên cứu nâng cao năng lực, hiệu quả phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai - tìm kiếm cứu nạn khu vực ven biển của Bộ đội Biên phòng tỉnh Nam Định.

- Phục hồi hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển: Nghiên cứu hiện trạng, nguyên nhân suy thoái rừng ngập mặn và xây dựng mô hình khôi phục rừng ngập mặn bền vững tại Vườn Quốc gia Xuân Thủy, tỉnh Nam Định; nghiên cứu xây dựng quy trình gieo ươm và trồng cây bản không cánh, góp phần phục hồi và phát triển hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển tỉnh Nam Định.

- Quản lý, phát triển khu vực cửa biển và bãi bồi ven biển: Nghiên cứu chỉnh trị cửa sông Ninh Cơ tăng khả năng thoát lũ, đảm bảo vận tải thủy và

¹ Chỉ số phát triển con người (HDI) là chỉ số so sánh, định lượng về sức khỏe (tuổi thọ trung bình), trí thức (chỉ số giáo dục), thu nhập (thu nhập bình quân đầu người) và một số nhân tố khác của tỉnh. Năm 2020, chỉ số HDI của tỉnh ở mức thấp so với các tỉnh, thành phố trong vùng.

phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định đến năm 2020; nghiên cứu nguyên nhân bồi tụ cửa Hà Lạn, sông Sò và đề xuất giải pháp ổn định để đảm bảo an toàn cho tàu thuyền; điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu GIS phục vụ quản lý phát triển bền vững quỹ đất bãi bồi ven biển tỉnh Nam Định.

- Nghiên cứu, ứng dụng, phát triển nguồn lợi thủy sản: Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm tu hài tại huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm sò huyết; ứng dụng tiến bộ khoa học xây dựng mô hình sản xuất nhân tạo giống và nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng tại huyện Giao Thủy; xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ sản xuất giống nhân tạo và nuôi hào đơn (hào rời) Thái Bình Dương tại tỉnh Nam Định.

- Phối hợp với Viện nghiên cứu Hải sản và Cục Thủy sản thực hiện điều tra nghề cá thương phẩm, thu thập sổ nhật ký khai thác phục vụ công tác dự báo ngư trường (5.400 biểu/năm); điều tra nguồn lợi thủy sản nghề cá thương phẩm (2.304 phiếu/năm). Ngoài ra, còn thường xuyên cung cấp thông tin, tài liệu, số liệu thống kê về nguồn lợi thủy sản và khai thác thủy sản cho các cơ quan chuyên môn nhằm đánh giá có hiệu quả về hoạt động khai thác thủy sản và công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Vườn Quốc gia Xuân Thủy thường xuyên phối hợp với các cơ quan, Viện nghiên cứu, các tổ chức bảo tồn thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học nhằm phục vụ công tác bảo tồn tài nguyên và phát triển bền vững đa dạng sinh học.

1.3. Về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng

1.3.1. Ngăn ngừa, kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm môi trường biển

a) *Hoạt động quan trắc*: Hàng năm, đã thực hiện quan trắc môi trường biển (bắt đầu triển khai từ năm 2018 đến nay) vào 2 đợt trong năm (mùa mưa và mùa khô) tại các điểm đặc trưng xa bờ nhất, dọc theo 72 km bờ biển, khu vực 4 cửa sông là nơi nhận các nguồn thải từ đất liền đổ ra biển, khu du lịch, khu vực bị xói lở và cống xả tiêu; đã lấy mẫu và phân tích 19 thông số đánh giá chất lượng nước biển tại 3 điểm; 10 thông số đánh giá trầm tích biển và 6 thông số đánh giá sinh vật biển ở 11 điểm. Thực hiện quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh nhằm theo dõi diễn biến chất lượng môi trường đất, nước, không khí trên địa bàn tỉnh, trong đó quan trắc môi trường nước mặt 56 điểm; môi trường nước biển ven bờ 8 điểm; môi trường nước thải 63 điểm, môi trường trầm tích 7 điểm, quan trắc độ nhiễm mặn 24 điểm.

b) Hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển

- Kiểm soát chặt chẽ các dự án đầu tư: 100% các dự án đầu tư đều phải lập hồ sơ pháp lý về môi trường theo quy mô, công suất hoạt động và yêu cầu các dự án phải báo cáo kết quả vận hành các công trình BVMT phục vụ giai đoạn vận hành dự án. Riêng địa bàn 3 huyện ven biển, từ năm 2019 đến năm 2022, UBND tỉnh đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường 44 dự án, cấp giấy phép môi trường 6 dự án; Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận kế hoạch môi trường 33 dự án.

- Đối với nguồn thải có tác động trực tiếp tới môi trường biển:

+ Đã kiểm soát các nguồn thải lớn, có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao thông qua hệ thống tiếp nhận, truyền dữ liệu quan trắc tự động liên tục; thường xuyên đôn đốc và hướng dẫn các cơ sở lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục và kết nối truyền dữ liệu quan trắc tự động về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

+ Đã triển khai thực hiện phân loại rác thải tại nguồn trên địa bàn tỉnh, toàn tỉnh có 195/204 xã, thị trấn đã thực hiện phân loại rác thải tại nguồn. Công tác phân loại rác thải tại nguồn đã giảm được 30 - 50% lượng rác thải đưa đi xử lý, tiết kiệm nguồn ngân sách dành cho việc xử lý rác thải, thay đổi thói quen phân loại rác của người dân; hạn chế sử dụng phân bón hoá học; sử dụng rác thải như một nguồn tài nguyên, từ đó giảm thải ô nhiễm môi trường ra biển.

+ Các giải pháp trọng tâm chống rác thải nhựa trên địa bàn tỉnh: Phát động phong trào không sử dụng các sản phẩm nhựa khó phân hủy và sử dụng một lần trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị; huy động sự tham gia của cộng đồng trong thu gom, phân loại, tái chế, tái sử dụng các sản phẩm từ nhựa, nilon,... tăng cường quản lý rác thải nhựa đại dương; Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Trung tâm Bảo tồn sinh vật biển và Phát triển Cộng đồng (MCD) tổ chức Hội nghị các bên liên quan hỗ trợ Nam Định thực hiện Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 (Kế hoạch số 11/KH-UBND, ngày 04/02/2020 của UBND tỉnh), trong đó triển khai lắp đặt 05 bãi rác thu gom rác thải trên sông Đào, sông Hồng, hạn chế rác thải trôi ra biển.

- Đối với nguồn thải từ sản xuất nông nghiệp tại vùng ven biển:

+ Để kiểm soát các hoạt động, hành vi gây ô nhiễm môi trường biển của tàu cá, các cơ quan chức năng thường xuyên tổ chức tuyên truyền, nhắc nhở bà con ngư dân không xả rác, chất thải bừa bãi ra biển, tổ chức thu gom và xử

lý rác thải đúng nơi quy định, đặc biệt là đối với các loại rác thải nguy hại đối với môi trường biển như hóa chất, dầu thải.

+ Thường xuyên giám sát, theo dõi hoạt động tại các vùng nuôi trồng thủy sản, kiểm soát và ngăn chặn các hành vi sử dụng chất cấm, các chất gây hại đến môi trường. Tuyên truyền, vận động người dân xử lý chất thải nuôi trồng thủy sản trước khi thải ra môi trường tự nhiên.

- Đối với nguồn thải từ sản xuất công nghiệp, du lịch và chế biến hải sản: Cơ quan quản lý về môi trường các cấp của tỉnh đã tăng cường công tác quản lý nguồn thải từ sản xuất công nghiệp, du lịch và chế biến hải sản ra môi trường biển thông qua việc xác nhận, phê duyệt, giám sát, kiểm tra các kế hoạch bảo vệ môi trường của các dự án trên biển, ven biển trong quá trình đầu tư và đi vào hoạt động, đồng thời tuyên truyền các biện pháp bảo vệ môi trường biển.

1.3.2. Quản lý và bảo vệ các hệ sinh thái biển, ven biển

- Tháng 12/2004, UNESCO công nhận Khu dự trữ sinh quyển thế giới đất ngập nước liên tỉnh ven biển đồng bằng châu thổ sông Hồng, đây là Khu dự trữ sinh quyển thế giới thứ 3 của Việt Nam. Khu dự trữ sinh quyển sông Hồng có tổng diện tích là 105.557 ha gồm 03 phân khu với chức năng vùng lõi, vùng đệm và vùng chuyển tiếp; trong đó tỉnh Nam Định có Vườn quốc gia Xuân Thủy thuộc phạm vi vùng lõi.

- UBND tỉnh Nam Định đã phê duyệt quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 2894/QĐ-UBND, ngày 18/12/2018; ban hành Kế hoạch số 104/KH-UBND, ngày 05/8/2022 về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; lồng ghép các nội dung về quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học vào Quy hoạch tỉnh; hoàn thành nhiệm vụ “Điều tra, khảo sát và đề xuất các biện pháp ngăn chặn, kiểm soát các loài sinh vật ngoại lai xâm hại trên địa bàn tỉnh Nam Định”; thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để bảo tồn các loài chim hoang dã, di cư tại Việt Nam; đẩy mạnh thực thi pháp luật và tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo tồn các loài chim hoang dã, di cư; tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày đất ngập nước, ngày quốc tế đa dạng sinh học, ngày quốc tế về khu dự trữ sinh quyển.

- Vườn quốc gia Xuân Thủy phối hợp với các cơ quan, viện nghiên cứu, các tổ chức bảo tồn thực hiện các nghiên cứu khoa học nhằm phục vụ công tác bảo tồn tài nguyên và phát triển bền vững đa dạng sinh học.

- Công tác quản lý, bảo vệ rừng ven biển trong những năm qua được tăng cường. Tỉnh đã thực hiện nhiều biện pháp, phân bổ nguồn lực để bảo vệ tốt trên 1.500 ha rừng ven biển hiện có. Diện tích rừng ngập mặn được duy trì ổn định, tình trạng phá rừng ngập mặn, sử dụng phương pháp khai thác thủy sản có tính hủy diệt được ngăn chặn kịp thời, lưu giữ các nguồn gen động, thực vật quý hiếm, phát huy tốt vai trò bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, nguồn lợi thủy sản ở khu vực được duy trì.

2. Tổ chức thực hiện 3 khâu đột phá

2.1. Hoàn thiện thể chế phát triển bền vững kinh tế biển

Tỉnh Nam Định đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo trong phát triển bền vững kinh tế biển, với mục tiêu xây dựng vùng kinh tế ven biển trở thành vùng kinh tế động lực, có bước phát triển nhanh, bền vững, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, trọng tâm là phát triển công nghiệp, đô thị, thương mại, dịch vụ, du lịch, kết hợp với phát triển các ngành nông nghiệp, thủy sản; chú trọng phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội, nâng cao mức sống người dân; bảo vệ bền vững môi trường; bảo đảm vững chắc an ninh, quốc phòng và trật tự, an toàn xã hội; phấn đấu đến năm 2030, vùng kinh tế ven biển là cực tăng trưởng phía Nam của tỉnh; thực hiện cải cách hành chính, thu hút đầu tư phát triển kinh tế biển, đóng góp quan trọng để hoàn thành mục tiêu Nam Định là tỉnh phát triển khá của cả nước, cụ thể:

- UBND tỉnh đã ban hành các văn bản phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về giao khu vực biển: Công văn số 206/UBND-VP3, ngày 26/3/2021 triển khai thực hiện Nghị định số 11/2021/NĐ-CP, ngày 10/02/2021 của Chính phủ tới các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố; Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND, ngày 07/7/2021 quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh Nam Định, giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 987/QĐ-UBND, ngày 07/5/2021 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Biển thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện; Quyết định số 973/QĐ-UBND, ngày 26/5/2022 phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Biển, Khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 3024/QĐ-UBND, ngày 31/12/2019 phê duyệt danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển; Quyết định số 2992/QĐ-UBND, ngày 30/12/2019 công bố đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm tỉnh Nam Định.

- Hiện nay, tỉnh đang chỉ đạo triển khai thực hiện đề án xác định chiều rộng, ranh giới và cắm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Nam Định theo Quyết định số 1244/QĐ-UBND, ngày 14/6/2021 của UBND tỉnh. Dự thảo đề án đã hoàn thành và công khai để lấy ý kiến, giải trình các ý kiến góp ý của các bộ ngành, cơ quan, cộng đồng dân cư có liên quan trước khi phê duyệt theo quy định.

2.2. Phát triển khoa học công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực biển chất lượng cao

- Về phát triển khoa học, công nghệ: UBND tỉnh đã giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan xây dựng chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh về biển. Năm 2020, tỉnh Nam Định phê duyệt 02 đề tài khoa học và phát triển công nghệ: Đề tài “Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ sản xuất probiotic - đa enzyme và ứng dụng bổ sung trong thức ăn nuôi trồng thủy sản, xử lý môi trường nuôi nhằm tăng hiệu quả kinh tế và đảm bảo tính bền vững tại tỉnh Nam Định”; Đề tài “Nghiên cứu ngưỡng giới hạn an toàn phục vụ khai thác bền vững nước dưới đất tầng chứa nước lỗ hổng Pleistoxene vùng Nam Định”.

- Về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao: Quan tâm phát triển nguồn nhân lực biển, nhất là nguồn nhân lực biển chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường. Chỉ đạo triển khai các đề án, dự án, nhiệm vụ về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển, nhất là nhân lực chất lượng cao, cùng với khoa học và công nghệ làm khâu đột phá. Triển khai các cơ chế, chính sách về đào tạo nghề của Chính phủ và của tỉnh, tổng số lao động nông nghiệp (bao gồm cả lao động trong nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản) được hỗ trợ đào tạo được cấp chứng chỉ là 24.014 lao động. Qua đó, trình độ chuyên môn kỹ thuật của lao động nông nghiệp, nhất là trong lĩnh vực nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản ngày càng được nâng lên, cơ cấu lao động đã chuyển dịch tích cực. Đến hết năm 2022, tỉ lệ lao động nông nghiệp của tỉnh đã qua đào tạo đạt gần 60%.

2.3. Phát triển kết cấu hạ tầng đa mục tiêu, đồng bộ, mạng lưới giao thông kết nối các trung tâm kinh tế lớn của cả nước, các khu công nghiệp, khu đô thị, các vùng biển với các cảng biển

- Tỉnh Nam Định có gần 91 km đê biển, qua 3 huyện: Hải Hậu (33,179 km), Nghĩa Hưng (26,325 km), Giao Thủy (31,161 km). Phần lớn bờ biển Nam Định thuộc vùng biển lấn, bãi thoái nghiêm trọng, trong đó khoảng trên 50 km đê đi qua khu vực nền cát, đất đắp đê là cát và cát pha. Khoảng 45 km

đê trực diện với biển, phía trong đồng là thung đào; đê thường xuyên chịu tác động gây hại của sóng do triều cường, gió mạnh, áp thấp nhiệt đới và bão. Đến nay, đã cứng hoá được 88,17 km chống được bão cấp 10, triều trung bình, còn lại mới chống được bão cấp 9.

- Tỉnh đã và đang tiếp tục triển khai thực hiện các dự án tu sửa, nâng cấp đê, kè, cống và công trình phòng chống lụt bão, thủy lợi nội đồng, đảm bảo tiến độ và chất lượng; đầu tư nâng cấp hệ thống đê biển của tỉnh để phòng, chống, ứng phó có hiệu quả các hiện tượng thiên tai, giảm thiểu thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra: Triển khai các thủ tục đầu tư dự án “Nâng cấp hệ thống thủy lợi tỉnh Nam Định thích ứng biến đổi khí hậu” sử dụng vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB); dự án “Củng cố, nâng cấp khẩn cấp đê, kè Hải Thịnh II và kè Thịnh Long, thuộc tuyến đê biển huyện Hải Hậu” và dự án “Củng cố, nâng cấp khẩn cấp đê kè Cồn Tròn, Hải Thịnh II, Hải Thịnh III thuộc tuyến đê biển huyện Hải Hậu” sử dụng nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý và các nguồn vốn hợp pháp khác; dự án “Cải tạo, nâng cấp đường cứu hộ và phòng chống lụt bão tuyến đê biển tỉnh Nam Định”; các dự án gia cố hệ thống đê biển, xây dựng kè mỏ, thêm cơ giảm sóng; xây dựng các khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão cửa Ninh Cơ huyện Nghĩa Hưng, khu neo đậu tàu thuyền Hà Lạn (sông Sò) huyện Giao Thủy và Cảng cá Ninh Cơ huyện Hải Hậu.

- Một số dự án giao thông trọng điểm trên địa bàn tỉnh cũng đang được triển khai, trong đó: Cụm công trình kênh đào nối sông Đáy với sông Ninh Cơ thuộc dự án Phát triển giao thông vận tải khu vực Đồng bằng Bắc Bộ đã hoàn thành và đi vào hoạt động; dự án “Xây dựng tuyến đường bộ ven biển, đoạn qua tỉnh Nam Định” đã cơ bản hoàn thành; dự án “Xây dựng đường trục phát triển nối vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình” đã hoàn thành giai đoạn 1 và đang triển khai thi công giai đoạn 2. Tích cực đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án tuyến đường bộ mới Nam Định - Lạc Quần - Đường bộ ven biển giảm tải cho QL21, QL21B và QL37; dự án xây dựng tuyến đường trục phía Nam thành phố Nam Định... Phối hợp với tỉnh Thái Bình đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư dự án đường cao tốc Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng; phối hợp với Bộ Giao thông vận tải đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư dự án xây dựng mới cầu Ninh Cường, cầu Bến Mới, cầu Đống Cao nhằm kết nối giao thông thông suốt, đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ và đường thủy.

- Phương án phát triển các khu công nghiệp được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó có 19 khu công nghiệp nằm trên địa bàn các huyện ven biển với tổng diện tích là 4.220ha (huyện Giao Thủy 6 KCN, huyện Nghĩa Hưng 3 KCN, huyện Hải Hậu 10 KCN). Ngoài ra, tỉnh Nam Định đã tăng cường huy động các nguồn lực ngoài ngân sách của tỉnh và có cơ chế, chính sách thu hút đầu tư phát triển công nghiệp ven biển, hình thành Khu công nghiệp dệt may Rạng Đông và các cụm công nghiệp khác. Tỉnh đã ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác với Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (VSIP) về nghiên cứu và đề xuất dự án đầu tư các khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ trên địa bàn tỉnh. Theo quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn 03 huyện ven biển của tỉnh, đến năm 2025 có 23 cụm công nghiệp được quy hoạch với tổng diện tích là 609,6 ha. Đến nay, có 04 CCN đã đi vào hoạt động gồm: CCN Hải Phương, CCN Hải Minh, CCN Thịnh Long huyện Hải Hậu và CCN Nghĩa Sơn huyện Nghĩa Hưng với tổng diện tích là 52,8ha thu hút 40 doanh nghiệp và cơ sở sản xuất với tổng mức đầu tư hơn 900 tỷ đồng, tạo việc làm cho gần 7.000 lao động tại địa phương và các vùng lân cận; với các ngành, nghề: đóng, sửa chữa tàu thủy, thiết bị điện, máy thủy, chế biến thực phẩm thủy sản, dệt, may và sản xuất hàng tiêu dùng... nhằm tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực này. Hiện đã thành lập mới 03 CCN gồm: CCN Thịnh Lâm (22ha), CCN Giao Thiện huyện Giao Thủy (50ha) và CCN Hải Vân huyện Hải Hậu (10,7 ha) nhằm tạo quỹ đất thu hút các nhà đầu tư thực hiện các dự án về sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực chế biến, chế tạo...

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các thủ tục đầu tư xây dựng các khu đô thị, khu tái định cư, khu dân cư tập trung tại các huyện Giao Thủy, Hải Hậu, Nghĩa Hưng để đáp ứng nhu cầu về nhà ở của người dân, đồng thời tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước để đầu tư các công trình hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Thực hiện các giải pháp chủ yếu

3.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển bền vững biển, tạo đồng thuận trong toàn xã hội

- Nhận thức rõ tầm quan trọng đặc biệt của biển đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cũng như đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc,

tỉnh Nam Định luôn coi trọng công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển bền vững biển. Cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở trên địa bàn tỉnh xác định rõ việc quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW là một trong những nội dung lãnh đạo quan trọng để thực hiện, trên cơ sở quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu, các chủ trương lớn và các giải pháp chủ yếu của Nghị quyết gắn với tiềm năng, lợi thế về biển, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh và bền vững.

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội của tỉnh, Báo Nam Định, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh... đã đồng loạt tổ chức các hoạt động phổ biến, tuyên truyền Nghị quyết số 36-NQ/TW, Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Tỉnh ủy, Kế hoạch của UBND tỉnh và của các địa phương, cơ quan, đơn vị về thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/CP của Chính phủ tới các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cộng đồng dân cư và doanh nghiệp với các hình thức đa dạng, cụ thể như:

+ Hội nghị tuyên truyền “Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và quản lý rác thải nhựa đại dương” tại 03 xã: Giao Xuân, Giao An, Giao Lạc, huyện Giao Thủy; đôn đốc, hướng dẫn Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện và UBND các xã ven biển thực hiện mục tiêu về quản lý chất thải nguy hại và rác thải nhựa đại dương, duy trì và nâng cao tiêu chí nông thôn mới tại các huyện có biển theo Nghị quyết số 36-NQ/TW; treo băng rôn, biểu ngữ, phát tờ rơi, áp phích tuyên truyền về phát triển bền vững kinh tế biển, giảm thiểu rác thải nhựa đại dương, bảo vệ chủ quyền biển đảo,... tại thành phố Nam Định và các huyện, xã ven biển nhân dịp “Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (1/6 - 8/6)”, “Ngày Đại dương Thế giới (08/6)”, “Ngày Quốc tế đa dạng sinh học (23/5)”, “Ngày Môi trường thế giới (5/6)” hàng năm. Kịp thời khen thưởng, động viên các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế biển.

+ Đưa tin bài, phóng sự, chuyên mục phát trên sóng phát thanh, truyền hình, cổng thông tin điện tử của tỉnh và các cơ quan, đơn vị để tuyên truyền các nội dung liên quan đến biển, đảo; giải pháp của tỉnh về quản lý đất đai, bảo vệ môi trường, biển đảo và bảo tồn đa dạng sinh học. Các chuyên mục “Môi trường và cuộc sống”; “Nam Định tôi yêu”, “Đại đoàn kết”, “Câu chuyện xóm làng”, “Vùng biển quê tôi”; “Vì chủ quyền An ninh Biên giới”, “Hộp thư Biên phòng”; Phóng sự “Nam Định điểm đến của các nhà đầu tư”, trong đó tập trung quảng bá chính sách thu hút đầu tư, phát triển kinh tế gắn với tiềm năng lợi thế biển của tỉnh Nam Định; các nội dung, nhiệm vụ, kế hoạch triển khai

Nghị quyết số 36-NQ/TW; kịp thời ngăn chặn, đấu tranh phòng chống, xử lý nghiêm đối với những hành vi gây ô nhiễm môi trường biển, khai thác thủy, hải sản, khoáng sản trái phép và các hành vi khác vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật Quốc tế; phòng, chống biến đổi khí hậu.

+ Tuyên truyền, hướng dẫn các thuyền trưởng, chủ tàu, thuyền chủ động thực hiện công tác thu gom và xử lý chất thải từ tàu, thuyền trong vùng nước cảng biển; kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về quản lý chất thải của các chủ tàu, thuyền, doanh nghiệp, cảng biển, các tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ thu gom, xử lý chất thải từ tàu, thuyền, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật.

+ Các hội đoàn thể của tỉnh tích cực tuyên truyền vận động, phát động các phong trào bảo vệ môi trường. Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tích cực phát động phong trào thực hiện các mô hình thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt và xử lý rác thải hữu cơ thành phân bón tại gia đình và nhân rộng ra toàn tỉnh. Đoàn thanh niên tỉnh triển khai các hoạt động Tình nguyện bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu với nhiều nội dung mới, sáng tạo, hiệu quả như: Tết trồng cây, hưởng ứng các ngày môi trường; Ngày chủ nhật xanh; phong trào “Chống rác thải nhựa”; Chiến dịch “Hãy làm sạch biển”; tuyên truyền cho đoàn viên thanh niên và Nhân dân thực hiện phân loại và xử lý rác thải tại nguồn...

3.2. Hoàn thiện về thể chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về phát triển bền vững kinh tế biển

- Để thống nhất việc chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển trên địa bàn tỉnh; tỉnh Nam Định đã cử đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh tham gia Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đồng thời thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 do đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh làm Trưởng ban, nhằm giúp UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong việc giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành liên quan đến phát triển bền vững kinh tế biển tỉnh Nam Định. Hiện nay, UBND tỉnh Nam Định đang phối hợp với UBND tỉnh Thái Bình và UBND tỉnh Ninh Bình báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kiện toàn Ban Quản lý Khu Dự trữ sinh quyển đất ngập nước liên tỉnh ven biển đồng bằng châu thổ sông Hồng, nhiệm kỳ 2022 - 2026 theo quy định.

- Xác định công tác quy hoạch phải đi trước một bước, là công cụ quản lý trên các lĩnh vực, tỉnh đang tích cực hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó tích hợp đồng bộ quy hoạch không gian biển; quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ và các quy hoạch chuyên ngành liên quan đến biển đảm bảo chất lượng và tiến độ. Bổ sung một số tuyến đường bộ mới có ý nghĩa quan trọng trong việc kết nối vùng kinh tế ven biển với các địa phương khác vào Quy hoạch phát triển giao thông đường bộ tỉnh Nam Định đến năm 2030 như: Tuyến đường bộ mới Nam Định - Lạc Quan - Đường bộ ven biển; Tuyến đường bộ mới thành phố Nam Định - Đường trục phát triển kinh tế biển Nam Định (tuyến tránh giảm tải cho Quốc lộ 10) và tuyến nhánh. Bổ sung Quy hoạch 01 bến cảng hàng lỏng tại thị trấn Thịnh Long, huyện Hải Hậu vào Quy hoạch chi tiết Nhóm cảng biển số 1 theo văn bản chấp thuận số 1635/BGTVT-KHĐT ngày 21/02/2023 của Bộ Giao thông vận tải. Đang đề nghị Bộ Giao thông vận tải bổ sung bến cảng chuyên dùng Xuân Thiện vào Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Thực hiện tốt Quy hoạch chung xây dựng khu chức năng phía Nam đô thị Rạng Đông đến năm 2040; điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Yên Định, thị trấn Cồn, huyện Hải Hậu đến năm 2030. Tập trung đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch: Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện Nghĩa Hưng - Ý Yên và vùng liên huyện Hải Hậu - Giao Thủy đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy đến năm 2030; Quy hoạch chung đô thị mới Đại Đồng, huyện Giao Thủy đến năm 2045 (đô thị loại V). Điều chỉnh, bổ sung cụm công nghiệp Giao Thiện, cụm công nghiệp Giao Yên 1, huyện Giao Thủy vào Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Nam Định.

- Ngày 31/12/2019, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Nam Định. Ngày 14/6/2021, UBND tỉnh đã phê duyệt triển khai đề án “Xác định chiều rộng, ranh giới và cắm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Nam Định”, hiện nay đã hoàn thành dự thảo và đang hoàn thiện theo các ý kiến góp ý để UBND tỉnh phê duyệt.

- Tỉnh đang hoàn thiện Đề án thành lập Khu kinh tế Ninh Cơ theo Quyết định số 1453/QĐ-TTg ngày 24/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ, trình các Bộ, ngành Trung ương thẩm định, trình Chính phủ xem xét, phê duyệt; làm cơ sở kêu gọi và thu hút đầu tư. Đồng thời, tỉnh đang phối hợp chặt chẽ với

Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành Trung ương trong việc xây dựng Quy hoạch không gian biển quốc gia, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn của tỉnh, bảo đảm tính liên kết vùng và giữa các địa phương và các nhiệm vụ, dự án về biển, các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý tổng hợp biển và hải đảo.

- Trên cơ sở các quy hoạch được phê duyệt, tỉnh Nam Định sẽ chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương thực hiện rà soát, bổ sung và xây dựng mới các quy hoạch, kế hoạch liên quan đến biển và vùng ven biển theo hướng quản lý tổng hợp, phù hợp với hệ sinh thái biển, bảo đảm sự gắn kết hài hòa, đồng bộ giữa bảo tồn và phát triển các vùng đất liền, vùng ven bờ, vùng biển của tỉnh và các tỉnh lân cận, bảo đảm phù hợp với quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch quốc gia.

3.3. Phát triển khoa học, công nghệ và tăng cường điều tra cơ bản biển

Trên cơ sở các nghiên cứu khoa học, tỉnh đã đề ra các giải pháp tăng cường ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào khai thác, nuôi trồng thủy, hải sản; giải pháp phát triển du lịch biển, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực ven biển bền vững, cụ thể:

- Nghiên cứu các vấn đề cơ bản về biển làm cơ sở khoa học cho việc nâng cao chất lượng dự báo biển, mở rộng việc tìm kiếm khoáng sản, đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản phục vụ khai thác hợp lý nguồn lợi và bảo vệ môi trường sinh thái biển, nghiên cứu giải pháp phục hồi các hệ sinh thái biển suy thoái tại vùng biển nhằm bảo vệ và phát triển bền vững.

- Ưu tiên đầu tư cho công tác điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, đào tạo nguồn nhân lực biển. Đánh giá tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên, tài nguyên, hệ sinh thái và các ngành, lĩnh vực kinh tế biển của tỉnh như: hàng hải, khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy, hải sản,... Mở rộng, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong điều tra, nghiên cứu, phát triển kinh tế biển.

- Nghiên cứu xác lập cơ sở khoa học cho việc phát triển bền vững kinh tế - xã hội kết hợp với bảo đảm an ninh, quốc phòng tại các vùng biển.

- Nghiên cứu hệ thống công trình biển để bảo vệ đê biển, tai biến địa chất biển, cửa sông ven biển (Ba Lạt, Đáy, Lạch Giang, Hà Lạn) và đề xuất biện pháp xử lý, khắc phục, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Áp dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và công nghệ để phát triển kinh tế hộ, trang trại nhằm phát triển nền kinh tế hàng hóa tại vùng kinh tế ven biển, khai thác có hiệu quả các điều kiện tự nhiên, đồng thời với việc nâng cao mức sống, trình độ dân trí và văn hóa, xã hội vùng ven biển.

- Đẩy mạnh công tác chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất thủy sản phát triển mạnh mẽ nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả và chất lượng sản phẩm. Nhiều mô hình nuôi thâm canh, siêu thâm canh trong nuôi trồng thủy sản đã mang lại hiệu quả kinh tế cao, nhất là trong nuôi tôm thẻ chân trắng. Năm 2022, với gần 200 ha nuôi tôm thẻ chân trắng ứng dụng công nghệ cao, sản lượng thu hoạch khoảng 1.200-1.300 tấn, năng suất đạt trên 25 tấn/ha. Một số sản phẩm nuôi trồng thủy sản của tỉnh đã xây dựng được thương hiệu trên thị trường như ngao sạch Giao Thủy, cá bống bớp Nghĩa Hưng. Nam Định cũng là tỉnh có sản lượng ngao lớn nhất khu vực phía Bắc, cung cấp cho thị trường khoảng 45.000 tấn/năm. Đặc biệt, trong năm 2020, vùng nuôi ngao tại Nam Điền – Nghĩa Hưng (500 ha) đã đạt được chứng nhận ASC đầu tiên của Việt Nam và trên thế giới cho ngao Bến Tre, góp phần định danh sản phẩm ngao Việt Nam trên thị trường quốc tế, giúp nâng cao thương hiệu ngao Nam Định và tạo điều kiện để sản phẩm ngao trong tỉnh xuất khẩu vào các nước trên thế giới. Xây dựng mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng *Litopenaus vannamei* theo hướng hữu cơ, sử dụng công nghệ sinh học thay thế thuốc kháng sinh và hóa chất. Nghiên cứu ứng dụng mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng 2 giai đoạn bằng công nghệ Biofloc gắn với tiêu thụ sản phẩm...

- Hiện đại hóa công tác quản lý tàu cá, công tác đảm bảo an toàn cho người và tàu cá, công tác bảo quản sản phẩm sau khai thác với các công nghệ tiên tiến nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, hoạt động khai thác của người dân dần ổn định, khai thác thủy sản tiếp tục tăng cả về sản lượng và giá trị, cơ cấu nghề nghiệp được duy trì và phát triển theo đúng định hướng mà ngành thủy sản đã đề ra. Tăng cường vận động ngư dân lắp đặt các thiết bị giám sát hành trình để quản lý, kiểm soát chặt chẽ các phương tiện nghề cá hoạt động trên các vùng biển, chống khai thác bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU), góp phần đẩy nhanh quá trình gỡ thẻ vàng của Liên minh Châu Âu đối với sản phẩm thủy sản của Việt Nam.

- Ứng dụng công nghệ cao và tiết kiệm năng lượng phục vụ khai thác hải sản nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, thân thiện môi trường, góp phần bảo vệ quốc phòng và an ninh trên biển; khuyến khích phát triển đội tàu khai thác vùng khơi, giảm dần đội tàu khai thác gần bờ và vùng lộng.

3.4. Đẩy mạnh giáo dục đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển

- Xác định việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển là chìa khóa của sự thành công trong phát triển bền vững kinh tế biển, quản lý, sử dụng và bảo vệ tài nguyên môi trường biển, tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành liên quan xây dựng các chương trình đào tạo nghề và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đa dạng hoá công tác đào tạo, mở rộng ngành học về biển để đáp ứng nhu cầu thị trường để phục vụ cho các ngành kinh tế vùng ven biển và chuyển đổi nghề nghiệp của người dân.

- Thường xuyên tuyên truyền bằng nhiều hình thức như: tập huấn, phát tờ rơi nhằm nâng cao nhận thức cho nông, ngư dân về các quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất thủy sản theo Luật Thủy sản và các văn bản pháp luật có liên quan. Phối hợp Trường Đại học Nha Trang tổ chức đào tạo, hướng dẫn cho 755 lượt thuyền viên về nghiệp vụ thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên vận hành tàu cá vỏ thép, vỏ vật liệu mới; hướng dẫn kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm theo công nghệ mới.

- Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đã đưa nội dung giáo dục, nâng cao kiến thức, hiểu biết về biển, đại dương, kỹ năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng, tránh thiên tai vào giảng dạy cho học sinh, sinh viên trong tất cả các bậc học, cấp học với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh đã tích cực tham gia các phong trào, chương trình như: “Vì Trường Sa thân yêu”, “Góp đá xây Trường Sa”...

3.5. Tăng cường năng lực bảo đảm quốc phòng, an ninh, thực thi pháp luật trên biển

- Là địa bàn chiến lược về quốc phòng - an ninh, tỉnh Nam Định luôn chú trọng gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; không ngừng củng cố, tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân khu vực ven biển; bảo đảm năng lực xử lý tốt các tình huống trên biển, giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển. Các lực lượng vũ trang luôn duy trì nghiêm túc chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, thường xuyên nắm chắc tình hình tuyến biển và các địa bàn trọng điểm, chủ động xử lý tốt các tình huống không để bị động bất ngờ; thường xuyên phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng.

- Quan tâm đầu tư xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống các công trình quốc phòng, điển hình như công trình Điểm tựa phòng ngự Côn Lu nằm trên địa bàn 02 xã: Giao An, Giao Thiện, huyện Giao Thủy. Công trình được xây dựng nhằm phục vụ nhiệm vụ tác chiến phòng thủ của tỉnh Nam Định, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tác chiến, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ biển, đảo, đảm bảo an toàn cho các lực lượng phòng ngự tại điểm tựa, góp phần giữ vững khu vực phòng thủ của tỉnh trong mọi tình huống. Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo cho cấp ủy, chính quyền lực lượng vũ trang các địa phương ven biển chuẩn bị tốt nhất mọi mặt khi có tình huống xảy ra; hàng năm, tỉnh đã chỉ đạo các địa phương tổ chức các cuộc diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện, trong đó có nội dung diễn tập huy động tàu thuyền của huyện Nghĩa Hưng, diễn tập tác chiến phòng thủ cấp xã, diễn tập phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn, chú trọng tới các địa phương ven biển.

- Lực lượng vũ trang đã phát huy tốt vai trò nòng cốt, chủ động phối hợp chặt chẽ với các lực lượng thực hiện tốt chức năng tham mưu, theo dõi nắm tình hình thiên tai, huy động lực lượng, phương tiện theo phương châm 4 tại chỗ xử lý hiệu quả các sự cố do thiên tai gây ra, bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của Nhà nước và nhân dân. Trong những năm qua đã phối hợp vận động 28.356 lượt người trên các lều, chòi ven biển vào đất liền khi có bão; di dời 5.850 hộ/23.680 khẩu ở khu vực nguy hiểm vào nơi tránh bão an toàn; sắp xếp neo đậu tại bến cho 42.815 lượt phương tiện/118.209 lượt người; tổ chức cứu nạn 42 vụ/48 phương tiện/186 thuyền viên và 05 cháu học sinh.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh mở các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo phân cấp và các đối tượng cán bộ, hội viên, đoàn viên trong các các tổ chức chính trị, xã hội, chủ tàu thuyền trên biển, công nhân các khu công nghiệp (trong đó có 1.679 chủ tàu, thuyền, trưởng tàu cá trên địa bàn tỉnh). Sau bồi dưỡng đã góp phần làm chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị trong phối hợp, tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh ngày càng vững chắc.

- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh thường xuyên phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch hiệp đồng bảo vệ chủ quyền vùng biển với Hải đoàn 38, Cảnh sát biển vùng I Hải quân, hiệp đồng bảo vệ với Bộ đội Biên phòng tỉnh Thái Bình và Ninh Bình, duy trì quy chế phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công an tỉnh,... đảm bảo an toàn đường thủy khu vực

biên giới biển, góp phần giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới biển của tỉnh.

- Hiện nay, tỉnh vẫn đang tiếp tục rà soát và đề xuất hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách, hành lang pháp lý về biển theo hướng phát triển bền vững, đảm bảo tính khả thi, đồng bộ, thống nhất, phù hợp với chuẩn mực pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia; ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại vào phát triển bền vững kinh tế biển. Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, giám sát hoạt động nghề cá trên biển. Quản lý nghiêm các hoạt động xuất, nhập cảnh tại khu vực cửa khẩu cảng Hải Thịnh. Phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên khu vực biên giới biển của tỉnh.

3.6. Huy động nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển bền vững biển

- Giai đoạn 2018 - 2021, khu vực ven biển của tỉnh đã thu hút được 75 dự án đầu tư trực tiếp (trong đó, có 15 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp mới và điều chỉnh tăng vốn), với tổng vốn đăng ký khoảng 101.823 tỷ đồng và 339 triệu USD.

- Đến nay, một số dự án quy mô lớn đã hoàn thành, đưa vào hoạt động như: Dự án Xây dựng xưởng sản xuất đồ chơi, trò chơi, linh kiện điện tử, đồ điện dân dụng, cấu kiện kim loại, với tổng vốn đầu tư 67,5 tỷ đồng; Dự án Xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh, kho hàng hóa và dịch vụ đóng gói các sản phẩm nội thất, với tổng vốn đầu tư 42,4 tỷ đồng; Dự án Xây dựng trang trại chăn nuôi kết hợp trồng cây dược liệu, với tổng vốn đầu tư 28,21 tỷ đồng; Dự án Nhà máy sản xuất giày xuất khẩu Golden Victory với tổng vốn đầu tư là 32,0 triệu USD; Dự án Xây dựng nhà máy Nice Power tại xã Giao Tiến, huyện Giao Thủy với số vốn đầu tư là 21,9 triệu USD. Một số dự án đang được triển khai thực hiện: Nhà máy thép xanh số 1 Xuân Thiện Nam Định, với tổng vốn đầu tư là 88.000 tỷ đồng; Nhà máy thép xanh Xuân Thiện Nghĩa Hưng, với tổng vốn đầu tư là 10.000 tỷ đồng; Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn Xuân Thiện Nam Định với tổng vốn đầu tư là 900 tỷ đồng; Dự án Công ty TNHH Top Textiles tại KCN Dệt may Rạng Đông với tổng vốn đăng ký đầu tư là 203 triệu USD. Kết quả đầu tư của các dự án đã góp phần gia tăng năng lực sản xuất cho các ngành, đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội và tăng thu ngân sách, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động địa phương, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo của người dân ven biển.

- Công tác hỗ trợ và thúc đẩy phát triển doanh nghiệp được quan tâm: Tỉnh đã thành lập Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Nam Định (nay là Trung tâm Phục vụ hành chính công, Xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Nam Định), hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết hoặc chuyển hồ sơ giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, là đầu mối thực hiện việc tham mưu UBND tỉnh triển khai các Chương trình xúc tiến đầu tư trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ, tư vấn cho doanh nghiệp và phối hợp tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục đầu tư nhằm góp phần thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào tỉnh. Định kỳ hằng năm, lãnh đạo tỉnh tổ chức gặp mặt doanh nghiệp để lắng nghe ý kiến, kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp triển khai thực hiện dự án đầu tư, tổ chức sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Công tác xúc tiến quảng bá du lịch tại địa phương đã được quan tâm và tích cực thực hiện: Tổ chức các cuộc thi ảnh, thi logo Du lịch Nam Định, xuất bản ấn phẩm sách ảnh du lịch Nam Định, cẩm nang du lịch Nam Định, bản đồ du lịch Nam Định; tổ chức Hội chợ Du lịch Thương mại Nam Định, tham gia các Hội chợ Du lịch tại các tỉnh, thành phố trong cả nước. Qua đó giới thiệu những tiềm năng, thế mạnh, cơ chế chính sách đầu tư của tỉnh, thu hút đông đảo lượng khách đến tham quan và các đối tác hợp tác kinh doanh, phát triển du lịch tại địa phương. Lượng khách đến các khu du lịch sinh thái biển chiếm khoảng trên 20% tổng lượng khách đến các điểm tham quan du lịch của tỉnh. Khách du lịch biển của Nam Định chủ yếu đến khu du lịch Quất Lâm, Thịnh Long, ngoài ra, khu du lịch sinh thái Vườn Quốc gia Xuân Thủy hàng năm cũng đón từ 14.000 đến 20.000 lượt khách gồm các nhà nghiên cứu, học sinh, sinh viên và khách đến tham quan, trải nghiệm,... Doanh thu du lịch tại các khu du lịch ven biển chiếm khoảng 15-20% tổng doanh thu du lịch của cả tỉnh.

IV. HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế

- Kinh tế biển tăng trưởng chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của tỉnh. Việc phát huy lợi thế, tiềm năng của một số ngành, địa phương về kinh tế biển chưa được đầy đủ; phát triển một số ngành kinh tế mũi nhọn chưa đáp ứng được yêu cầu; sự liên kết phát triển giữa vùng ven biển với nội địa và giữa các ngành, lĩnh vực chưa thực sự thống nhất. Các mô hình sản xuất, các ngành, nghề khai thác tiềm năng biển còn nhỏ lẻ, theo hướng truyền thống, chưa tiếp cận được khoa học tiên tiến, tính liên kết chưa cao.

- Việc triển khai một số nhiệm vụ, đề án, dự án thực hiện Kế hoạch số 40/KH-UBND, ngày 12/5/2020 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP, ngày 05/03/2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW phát triển bền vững kinh tế biển còn chậm và gặp khó khăn.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng khu vực biển tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển và tạo động lực mạnh cho thu hút đầu tư, phát triển kinh tế biển. Việc huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng còn chưa nhiều; nguồn lực để thực hiện hóa các chủ trương, giải pháp và khâu đột phá theo Nghị quyết số 36-NQ/TW còn hạn chế.

- Đời sống của một bộ phận ngư dân ven biển còn khó khăn; công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng tại một số địa phương cấp cơ sở chưa được quan tâm đúng mức; ô nhiễm môi trường biển tại một số khu vực vẫn còn tiềm ẩn.

- Việc áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong nhiều ngành nghề kinh tế biển chưa đáp ứng được yêu cầu; việc xã hội hóa, thu hút các doanh nghiệp lớn trong nước và quốc tế đầu tư vào lĩnh vực hoạt động khoa học, công nghệ nhằm tăng cường chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế, từng bước nâng cao năng lực tiếp nhận và sử dụng các công nghệ phục vụ điều tra cơ bản, giám sát, quy hoạch biển còn hạn chế.

2. Nguyên nhân của những hạn chế

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Tình hình chính trị, kinh tế thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, khó lường; thiên tai, dịch bệnh thường xuyên xảy ra ở nhiều địa phương, đặc biệt dịch bệnh Covid-19 đã gây ra thiệt hại lớn về sản xuất, ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của nhân dân.

- Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển còn thiếu và chưa đồng bộ; cơ chế điều phối liên ngành về phát triển bền vững kinh tế biển chưa được hoàn thiện, vận hành chưa hiệu quả.

- Nam Định nằm ở trung tâm vùng Nam đồng bằng sông Hồng, là đầu mối trung chuyển và cửa ngõ giao thông về đường bộ, đường sắt, đường thủy của vùng nên nhu cầu vốn đầu tư cho hệ thống kết cấu hạ tầng rất lớn, trong khi nguồn thu từ ngân sách của tỉnh còn thấp, chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư lớn, dự án lớn nên phát triển vùng kinh tế ven biển chưa thực sự tương

xứng với tiềm năng, thế mạnh của vùng; hệ thống kết cấu cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội chưa hoàn thiện, chưa tạo được sự kết nối đồng bộ với các tỉnh trong khu vực; công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng chưa đáp ứng được yêu cầu...

- Vùng ven biển tỉnh Nam Định không có nhiều lợi thế so với các tỉnh ven biển trên toàn quốc; hàng năm, chịu ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai, bão, lũ gây thiệt hại lớn đến kinh tế và đời sống của người dân. Biến đổi khí hậu, nước biển dâng và các hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan ngày càng trở lên phức tạp, khó lường, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển, đe dọa các công trình kết cấu hạ tầng ven biển, gia tăng xâm nhập mặn, mất đất do biển tiến.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Một số cấp ủy, chính quyền cấp cơ sở còn thiếu chủ động trong quán triệt, chỉ đạo triển khai thực hiện các chủ trương, cơ chế chính sách của Trung ương, của tỉnh về phát triển bền vững kinh tế biển.

- Đội ngũ nhân lực trong lĩnh vực khoa học và công nghệ còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển nhanh của kinh tế biển.

V. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

Tỉnh Nam Định triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW trong bối cảnh phải đối mặt với nhiều với rất nhiều khó khăn, thách thức, nhất là tác động của dịch bệnh Covid-19; song với sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự quan tâm, hỗ trợ của Trung ương, sự đồng lòng ủng hộ của cộng đồng doanh nghiệp và người dân, tỉnh Nam Định đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, trong đó nổi bật là:

- Kinh tế của tỉnh phát triển ổn định, quy mô và hiệu quả kinh tế được nâng lên. Tổng sản phẩm GRDP (giá so sánh) năm 2019 tăng 8,86%; năm 2020 tăng 6,97%; năm 2021 tăng 7,9%; năm 2022 tăng 9,07% so với năm trước. Tổng sản phẩm GRDP (giá hiện hành) năm 2019 đạt 70.208 tỷ đồng; năm 2020 đạt 76.958 tỷ đồng; năm 2021 đạt 84.097 tỷ đồng; năm 2022 đạt 91.966 tỷ đồng. Cơ cấu kinh tế đã từng bước chuyển dịch theo hướng tích cực, năm 2022 tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ là 80,61%; tỷ trọng nông, lâm, thủy sản là 19,39%.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, nhất là hạ tầng giao thông, thủy lợi được quan tâm đầu tư từng bước đồng bộ, hiện đại kết nối với các khu công

nghiệp, khu đô thị, các vùng biển,... bộ mặt khu vực ven biển đã có nhiều khởi sắc theo hướng hiện đại, văn minh.

- Cơ cấu trong nội bộ các ngành kinh tế biển có sự chuyển dịch tích cực theo đúng định hướng của tỉnh, đang dần trở thành vùng kinh tế động lực, là cực tăng trưởng phía Nam của tỉnh.

- Chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh đã giành được nhiều thành tựu nổi bật, đặc biệt là các địa phương ven biển; bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn được nâng cấp, đầu tư đồng bộ theo quy hoạch; nông thôn phát triển theo hướng hiện đại, môi trường ngày càng sáng - xanh - sạch - đẹp; kinh tế nông nghiệp, nông thôn có bước phát triển mới với quy mô, trình độ, hiệu quả cao hơn; các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế phát triển; vai trò chủ thể của người dân nông thôn được phát huy, đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn được nâng lên rõ rệt; hệ thống chính trị được củng cố, an ninh nông thôn được đảm bảo; diện mạo nông thôn thay đổi toàn diện.

- Tình hình an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội khu vực ven biển của tỉnh luôn được bảo đảm, giữ vững ổn định, tạo điều kiện kinh tế phát triển; thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, thế trận biên phòng toàn dân ngày càng vững chắc; khu vực phòng thủ ven biển của tỉnh bước đầu được xây dựng và hoạt động hiệu quả.

VI. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Tỉnh Nam Định trân trọng đề nghị Trung ương:

1. Tăng cường nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, nhất là những dự án giao thông, thủy lợi trọng điểm có tính kết nối, liên kết vùng để triển khai các nhiệm vụ, đề án, dự án tại Nghị quyết số 26-NQ/CP, ngày 05/03/2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW.

2. Quan tâm hỗ trợ nguồn lực, đầu tư đồng bộ, hoàn chỉnh các công trình hạ tầng thiết yếu trong Khu kinh tế Ninh Cơ, làm cơ sở kêu gọi và thu hút đầu tư để đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, ven biển tỉnh Nam Định.

3. Ban hành Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; hoàn thành xác định ranh giới trên biển giữa các tỉnh, huyện, xã.

Trên đây là báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/12/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nam Định trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Ban Kinh tế Trung ương, (để báo cáo)
- Thường trực Tỉnh ủy - HĐND - UBND tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ và đoàn thể tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Phạm Gia Túc